

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015**



## MỤC LỤC

---

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	01 - 02
Báo cáo kiểm toán độc lập	03 - 04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2015	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	08
Thuyết minh báo cáo tài chính	09 - 27

523F  
CÔNG  
CHÀM  
KIỂM  
D.  
T.P



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### 1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Thủy Hải Sản Việt Nhật được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006673 ngày 10 tháng 05 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 10 tháng 11 năm 2015.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô A59/1 Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 86.800.000.000 đồng.

### 2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Văn Nhật	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên
Ông Hồ Minh Kha	Thành viên
Bà Trần Thị Xuân Đào	Thành viên
Ông Trần Công Thơ	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Trần Quang Minh	Tổng Giám đốc

### 3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

#### 4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

#### 5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC



CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
THỦY HẢI SẢN  
VIỆT NHẬT

TRẦN QUANG MINH



Số: 16.107/BCKT-DTL

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Thành viên Hội đồng Quản trị  
Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ HẢI SẢN VIỆT NHẬT

### Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công Ty Cổ Phần Thủy Hải Sản Việt Nhật (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 03 năm 2016 từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Thủy Hải Sản Việt Nhật vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2016

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**ĐẶNG XUÂN CẢNH**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0067-2013-026-1

**KIỂM TOÁN VIÊN**



**LỘ NGUYỄN THÚY PHƯỢNG**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 1191-2013-026-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Lô A59/1 đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>42.749.909.039</b>	<b>56.830.564.184</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>44.157.649</b>	<b>488.315.759</b>
1. Tiền	111	5.1	44.157.649	488.315.759
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>21.572.131.225</b>	<b>22.630.809.127</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	15.372.160.481	4.534.109.957
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		119.166.520	67.953.500
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.3	8.097.566.381	19.606.971.541
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	341.150.409	330.950.409
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(2.357.912.566)	(1.909.176.280)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.6	<b>21.117.918.925</b>	<b>33.711.439.298</b>
1. Hàng tồn kho	141		23.125.249.182	34.008.095.833
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.007.330.257)	(296.656.535)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>15.701.240</b>	<b>-</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.701.240	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>25.941.864.913</b>	<b>26.327.544.913</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>31.684.322</b>	<b>31.684.322</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	31.684.322	31.684.322
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>25.910.180.591</b>	<b>26.295.860.591</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	6.608.680.591	6.994.360.591
- Nguyên giá	222		8.959.869.591	8.959.869.591
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.351.189.000)	(1.965.509.000)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	19.301.500.000	19.301.500.000
- Nguyên giá	228		19.301.500.000	19.301.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>68.691.773.952</b>	<b>83.158.109.097</b>

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

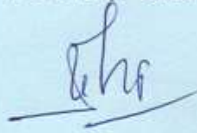
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>36.795.478.817</b>	<b>44.265.031.319</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>21.864.478.817</b>	<b>27.294.031.319</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	2.913.068.004	2.906.515.898
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	1.863.715.054
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	406.970.384	839.570.562
4. Phải trả người lao động	314		22.788.225	18.922.044
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	2.992.286.211	2.009.404.121
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	59.799.300	6.147.973.715
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	15.469.566.693	13.507.929.925
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>14.931.000.000</b>	<b>16.971.000.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	14.931.000.000	16.971.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>31.896.295.135</b>	<b>38.893.077.778</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.14	<b>31.896.295.135</b>	<b>38.893.077.778</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.230.710.000	80.230.710.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.230.710.000	80.230.710.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.608.854.848	1.608.854.848
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(49.943.301.127)	(42.946.487.070)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(42.946.487.070)	592.195.146
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(6.996.814.057)	(43.538.682.216)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>68.691.773.952</b>	<b>83.158.109.097</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



**TRẦN CÔNG THƠ**  
Kế toán trưởng

NGƯỜI DUYỆT



**TRẦN QUANG MINH**  
Tổng giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

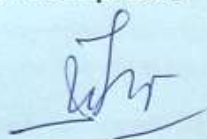
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	10.914.414.796	17.681.111.066
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		10.914.414.796	17.681.111.066
3. Giá vốn hàng bán	11	6.2	12.625.011.091	51.519.390.503
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(1.710.596.295)	(33.838.279.437)
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	43.187.965	37.839.458
6. Chi phí tài chính	22	6.4	3.679.447.621	3.440.295.023
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		3.140.260.159	3.217.509.993
7. Chi phí bán hàng	25	6.5	239.880.000	1.172.682.169
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	1.379.424.512	2.544.242.594
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.966.160.463)	(40.957.659.765)
10. Thu nhập khác	31		-	1.236.000.000
11. Chi phí khác	32		30.653.594	1.803.266.510
12. Lợi nhuận khác	40		(30.653.594)	(567.266.510)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(6.996.814.057)	(41.524.926.275)
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	2.013.755.941
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(6.996.814.057)	(43.538.682.216)
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(872)	(5.427)
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(872)	(5.427)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU


**TRẦN CÔNG THƠ**  
 Kế toán trưởng

NGƯỜI DUYỆT


**TRẦN QUANG MINH**  
 Tổng giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Lô A59/1 đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Mẫu số B 03 - DN

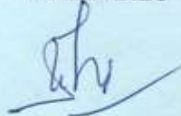
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		74.143.785	40.748.353.574
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(2.167.755.353)	(77.436.188.422)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(480.829.979)	(453.979.617)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(2.157.378.069)	(2.280.466.787)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.038.606.623	40.640.814.354
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.183.006.789)	(16.820.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>123.780.218</b>	<b>(15.601.466.898)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.236.000.000
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	24.000.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		181.017	16.337.874
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>181.017</b>	<b>25.252.337.874</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	7	(570.000.000)	(10.140.716.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(570.000.000)</b>	<b>(10.140.716.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(446.038.765)</b>	<b>(489.845.024)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>488.315.759</b>	<b>977.924.094</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.880.655	236.689
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>44.157.649</b>	<b>488.315.759</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU


**TRẦN CÔNG THƠ**  
 Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2016

NGƯỜI DUYỆT



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**  
**TRẦN QUANG MINH**  
 Tổng Giám đốc



## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Mẫu số B 09 – DN

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

#### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

##### **1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy Hải Sản Việt Nhật (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006673 ngày 10 tháng 05 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 10 tháng 11 năm 2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 86.800.000.000 VND.

Trụ sở hoạt động của Công ty được đặt tại Lô A59/I Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 9 người (31/12/2014: 10).

##### **1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán hàng hóa nông - lâm - thủy - hải sản và thực phẩm chế biến;
- Sản xuất mua bán bao bì (không in, tái chế phế thải tại trụ sở).

##### **1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

#### **2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

##### **2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

##### **2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam

##### **2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

### **3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam**

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong năm 2015 Công ty đã áp dụng các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.1 dưới đây.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

### **4.1. Áp dụng các Hướng dẫn kế toán mới**

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (TT200).

TT200 yêu cầu trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa TT200 và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính. Do đó, Công ty đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành như đã nêu tại mục 4.19.

### **4.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

### **4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

### **4.5. Nợ phải thu**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Lô A59/1 đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

### ***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi***

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## **4.6. Hàng tồn kho**

### ***Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua. Khi mua hàng tồn kho nếu được nhận kèm thêm sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi chi phí mua của hàng tồn kho.

### ***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

### ***Phương pháp hạch toán hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### ***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Lô A59/I Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

### 4.7. Tài sản cố định hữu hình

#### *Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu*

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

#### *Phương pháp khấu hao*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 10 - 45 năm
- Phương tiện vận tải truyền dẫn 10 năm

### 4.8. Tài sản cố định vô hình

#### *Ghi nhận và xác định giá trị ban đầu*

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

#### *Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình*

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được trình bày trên bảng cân đối kế toán là quyền sử dụng đất tại số 339 - 341 Đường số 5, phường Bình Trị Đông và các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB293770, AB293743, AB293762. Các quyền sử dụng đất này có thời hạn sử dụng là vô thời hạn nên không trích khấu hao.

### 4.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Lô A59/1 đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

### **4.10. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả như chi phí lãi vay được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

### **4.11. Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

#### ***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### **4.12. Doanh thu, thu nhập khác**

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

#### ***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

### **4.13. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

### **4.14. Chi phí tài chính**

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính.

### **4.15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản điều chỉnh giảm chi phí bán hàng trong kỳ là khoản hoàn nhập số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa chưa sử dụng hết của kỳ trước.

Các khoản điều chỉnh giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ là khoản hoàn nhập chi phí dự phòng phải thu khó đòi, hoàn nhập dự phòng phải trả về chi phí tái cơ cấu doanh nghiệp, dự phòng phải trả cho hợp đồng có rủi ro lớn, và dự phòng phải trả khác chưa sử dụng hết của kỳ trước.

### **4.16. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

### **4.17. Thuế**

#### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

##### ***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

##### ***Chi phí thuế TNDN hoãn lại***

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### ***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

▪ Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
▪ Hàng thủy sản nguyên liệu bán trong nước	5%
▪ Hàng thủy sản bán trong nước	10%

#### ***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### **4.18. Công cụ tài chính**

#### ***Ghi nhận ban đầu***

##### ***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay.

##### ***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

#### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Lô A59/1 đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

**4.19. Số liệu so sánh**

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC (TT200) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp:

Bảng cân đối kế toán (Trích)

	<b>Đầu năm</b> (Được báo cáo lại)	<b>VND</b> <b>Đầu năm</b> (Đã được báo cáo trước đây)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	19.606.971.541	-
Các khoản phải thu khác	330.950.409	19.934.621.950
Tài sản ngắn hạn khác	-	3.300.000
Tài sản dài hạn khác	-	31.684.322
Phải thu dài hạn khác	31.684.322	-
Vay và nợ ngắn hạn	-	30.478.929.925
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13.507.929.925	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16.971.000.000	-
Quỹ dự phòng tài chính	-	1.608.854.848
Quỹ đầu tư phát triển	1.608.854.848	-

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>Cuối năm</b>	<b>VND</b> <b>Đầu năm</b>
Tiền mặt	350.361	417.437.388
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	43.807.288	70.878.371
<b>Cộng</b>	<b>44.157.649</b>	<b>488.315.759</b>

**5.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>Cuối năm</b>	<b>VND</b> <b>Đầu năm</b>
Công ty TNHH MTV Đồ Hộp Phú Nhật – Xem thêm mục 9.	13.341.898.324	2.427.483.528
Các khách hàng khác	2.030.262.157	2.106.626.429
<b>Cộng</b>	<b>15.372.160.481</b>	<b>4.534.109.957</b>

**5.3. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Phải thu về cho vay ngắn hạn là số dư phải thu của bên liên quan – Xem thêm mục 9.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÙY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

**5.4. Phải thu khác**

	<b>Cuối năm</b>		<b>Đầu năm</b>		<b>VND</b>
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
Ngắn hạn:					
Phải thu người lao động	-	-	3.300.000	-	
Phải thu khác	341.150.409	327.650.409	327.650.409	(322.650.409)	
<b>Cộng</b>	<b>341.150.409</b>	<b>327.650.409</b>	<b>330.950.409</b>	<b>(322.650.409)</b>	
Dài hạn:					
Kỳ cược, kỳ quỹ	31.684.322	-	31.684.322	-	
<b>Cộng</b>	<b>31.684.322</b>	<b>-</b>	<b>31.684.322</b>	<b>-</b>	

**5.5. Nợ xấu**

	<b>Cuối năm</b>		<b>Đầu năm</b>		<b>VND</b>
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	2.357.912.566	-	2.434.276.838	525.100.558	
<b>Cộng</b>	<b>2.357.912.566</b>	<b>-</b>	<b>2.434.276.838</b>	<b>525.100.558</b>	

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Cuối năm			Đầu năm			VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	
Corporacion De Ingenieria De Refrigeracion Srl	1.349.440.000	-	Trên 3 năm	1.368.000.000	520.100.557	Trên 2 năm	
Công ty TNHH In Bao Bi CD	461.347.002	-	Trên 3 năm	461.347.002	-	Trên 3 năm	
Các khách hàng khác	547.125.564	-	Trên 3 năm	604.929.835	5.000.000		
<b>Cộng</b>	<b>2.357.912.566</b>	<b>-</b>		<b>2.434.276.837</b>	<b>525.100.558</b>		

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Lô A59/1 đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

**5.6. Hàng tồn kho**

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
	Nguyên liệu, vật liệu	-	-	11.480.768.619	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	23.125.249.182	(2.007.330.257)	22.527.327.214	(296.656.535)	
<b>Cộng</b>	<b>23.125.249.182</b>	<b>(2.007.330.257)</b>	<b>34.008.095.833</b>	<b>(296.656.535)</b>	

Giá trị trích thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm là 1.710.673.722 đồng do hàng tồn kho chậm luân chuyển.

**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa	Phương tiện vận tải truyền dẫn	VND
			Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	6.561.000.000	2.398.869.591	8.959.869.591
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6.561.000.000</b>	<b>2.398.869.591</b>	<b>8.959.869.591</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	437.400.000	1.528.109.000	1.965.509.000
Khấu hao trong năm	145.800.000	239.880.000	385.680.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>583.200.000</b>	<b>1.767.989.000</b>	<b>2.351.189.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	6.123.600.000	870.760.591	6.994.360.591
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>5.977.800.000</b>	<b>630.880.591</b>	<b>6.608.680.591</b>

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tạm thời không sử dụng cho mục đích kinh doanh là 5.977.800.000 VND đồng.

**5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là các quyền sử dụng đất, trị giá 19.301.500.000 đồng. Thời gian sử dụng là vô thời hạn nên không trích khấu hao.

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng là 19.301.500.000 đồng.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

**5.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Công Ty TNHH CB TMDV Yến Ngân	776.191.662	776.191.662	776.191.662	776.191.662	
DNTN TM Hồng Phú	525.820.000	525.820.000	525.820.000	525.820.000	
Phải trả cho các đối tượng khác	1.611.056.342	1.611.056.342	1.604.504.236	1.604.504.236	
<b>Cộng</b>	<b>2.913.068.004</b>	<b>2.913.068.004</b>	<b>2.906.515.898</b>	<b>2.906.515.898</b>	

**5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	VND
				Cuối năm
Phải nộp:				
Thuế giá trị gia tăng	770.741.058	-	426.249.016	344.492.042
Thuế thu nhập cá nhân	68.829.504	1.139.084	7.490.246	62.478.342
<b>Cộng</b>	<b>839.570.562</b>	<b>1.139.084</b>	<b>433.739.262</b>	<b>406.970.384</b>

**5.11. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả lãi vay	2.972.286.211	1.989.404.121
Các khoản khác	20.000.000	20.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.992.286.211</b>	<b>2.009.404.121</b>

**5.12. Phải trả ngắn hạn khác**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	57.912.799	57.912.799
Bảo hiểm xã hội	1.886.501	19.635.479
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	6.070.425.437
<b>Cộng</b>	<b>59.799.300</b>	<b>6.147.973.715</b>

( Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

**5.13. Vay**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
	Vay ngắn hạn	15.469.566.693	15.469.566.693	2.531.636.768	570.000.000	13.507.929.925	
Vay dài hạn	14.931.000.000	14.931.000.000	-	2.040.000.000	16.971.000.000	16.971.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>30.400.566.693</b>	<b>30.400.566.693</b>	<b>2.531.636.768</b>	<b>2.610.000.000</b>	<b>30.478.929.925</b>	<b>30.478.929.925</b>	

Số vay quá hạn chưa thanh toán được chi tiết như sau:

Vay	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi	
	1.835.130.000	2.972.286.211	11.467.929.925	1.989.404.121	
<b>Cộng</b>	<b>1.835.130.000</b>	<b>2.972.286.211</b>	<b>11.467.929.925</b>	<b>1.989.404.121</b>	

Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty gặp khó khăn nên Công ty không có đủ tiền để thanh toán nợ đúng hạn.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÙY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

**5.14. Vốn chủ sở hữu****5.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	VND			
	Vốn góp của chủ sở hữu	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	80.230.710.000	1.608.854.848	592.195.146	82.431.759.994
Lãi (Lỗ) trong năm trước	-	-	(43.538.682.216)	(43.538.682.216)
Số dư đầu năm nay	80.230.710.000	1.608.854.848	(42.946.487.070)	38.893.077.778
Lãi (Lỗ) trong năm trước	-	-	(6.996.814.057)	(6.996.814.057)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>80.230.710.000</b>	<b>1.608.854.848</b>	<b>(49.943.301.127)</b>	<b>31.896.295.135</b>

**5.14.2. Chi tiết vốn góp của cổ đông**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của cổ đông sáng lập	522.990.000	50.718.490.000
Vốn góp của các cổ đông khác	79.707.720.000	29.512.220.000
<b>Cộng</b>	<b>80.230.710.000</b>	<b>80.230.710.000</b>

**5.14.3. Cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	8.680.000	8.680.000
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	8.023.071	8.023.071
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	8.023.071	8.023.071

**5.15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Cuối năm	Đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
USD	1.231,82	1.783,41

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm xuất khẩu	-	15.529.758.933
Doanh thu bán thành phẩm trong nước – Xem thêm mục 9	10.914.414.796	2.151.352.133
<b>Cộng</b>	<b>10.914.414.796</b>	<b>17.681.111.066</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn của thành phẩm xuất khẩu	-	13.371.560.848
Giá vốn của thành phẩm bán trong nước	10.914.337.369	37.742.465.817
Hàng tồn kho hao hụt, mất mát, mất phẩm chất	-	108.707.303
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.710.673.722	296.656.535
<b>Cộng</b>	<b>12.625.011.091</b>	<b>51.519.390.503</b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Là lãi tiền gửi, tiền cho vay.

**6.4. Chi phí tài chính**

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi tiền vay	3.140.260.159	3.217.509.993
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	515.028.878	166.159.009
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	24.158.584	56.626.021
<b>Cộng</b>	<b>3.679.447.621</b>	<b>3.440.295.023</b>

**6.5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí khấu hao tài sản cố định	239.880.000	445.062.000
Phí hải quan	-	662.112.774
Chi phí bán hàng khác	-	65.507.395
<b>Cộng</b>	<b>239.880.000</b>	<b>1.172.682.169</b>

**6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí nhân công	616.995.736	471.073.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	145.800.000	437.400.000
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	780.599.500
Chi phí dự phòng	448.736.286	477.403.305
Chi phí dịch vụ mua ngoài	137.428.905	223.337.337
Chi phí khác bằng tiền	27.463.585	154.429.452
<b>Cộng</b>	<b>1.379.424.512</b>	<b>2.544.242.594</b>

**6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty có thể không có đủ lợi nhuận tính thuế thu nhập trong tương lai để bù đắp cho các khoản lỗ tính thuế phát sinh từ các năm trước đến cuối năm tài chính này. Vì vậy, Công ty không tính và trình bày chi phí thuế TNDN hoãn lại trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho các khoản lỗ phát sinh.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

**6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.480.768.619	69.623.775.635
Chi phí nhân công	616.995.736	471.073.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	385.680.000	882.462.000
Chi phí dự phòng	2.159.410.008	774.059.840
Chi phí dịch vụ mua ngoài	168.919.623	885.450.111
Chi phí khác bằng tiền	30.463.585	1.000.536.347
<b>Cộng</b>	<b>14.842.237.571</b>	<b>73.637.356.933</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(570.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>(570.000.000)</b>

**8. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì Công ty chỉ có hoạt động thương mại hàng hoá thủy - hải sản và thực phẩm chế biến.

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty năm nay chủ yếu là bán hàng trong nước, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

**9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các cá nhân và đơn vị dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Ông Nguyễn Văn Nhật	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty
2. Ông Nguyễn Văn Triển	Con ruột Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty
3. Công ty TNHH MTV Đồ Hộp Phú Nhật	Công ty được kiểm soát bởi con của Chủ tịch Hội đồng quản trị
4. Ông Trần Quang Minh	Tổng Giám đốc Công ty

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	VND Đầu năm
Công ty TNHH MTV Đồ Hộp Phú Nhật:		
Phải thu tiền bán hàng – Xem thêm mục 5.2	13.341.898.324	2.427.483.528
Phải thu tiền cho vay – Xem thêm mục 5.3	8.097.566.381	19.606.971.541
<b>Cộng</b>	<b>21.439.464.705</b>	<b>22.034.455.069</b>

Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong năm như sau:

	Năm nay	VND Năm trước
Bán hàng:		
Công ty TNHH MTV Đồ Hộp Phú Nhật – Xem thêm mục 6.1	10.914.414.796	-



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Lô A59/1 đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Tổng Giám đốc:

	Năm nay	VND Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	102.000.000	167.360.000
Thu nhập Tổng Giám đốc	107.447.000	108.000.000
<b>Cộng</b>	<b>209.447.000</b>	<b>275.360.000</b>

### 10. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Công ty có thể có các rủi ro thị trường sau:
  - + Rủi ro lãi suất
  - + Rủi ro tiền tệ
  - + Rủi ro về giá các khoản đầu tư chứng khoán vốn

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;
- Công ty có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HĐQT phê duyệt.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Lô A59/1 đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Giá trị ghi sổ		VND
	31/12/2015	01/01/2015	
<b>Tài sản tài chính:</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.157.649	488.315.759	
Phải thu khách hàng	13.341.898.324	2.947.584.086	
Phải thu về cho vay ngắn hạn	8.097.566.381	19.606.971.541	
Tài sản tài chính khác	31.684.322	31.684.322	
<b>Cộng</b>	<b>21.515.306.676</b>	<b>23.074.555.708</b>	
<b>Công nợ tài chính:</b>			
Các khoản vay	30.400.566.693	30.478.929.925	
Phải trả người bán và phải trả khác	2.913.068.004	8.976.941.335	
Chi phí phải trả	2.992.286.211	2.009.404.121	
<b>Cộng</b>	<b>36.305.920.908</b>	<b>41.465.275.381</b>	

**Rủi ro tín dụng**

Công ty kiểm soát rủi ro tín dụng bằng cách xác định hạn mức rủi ro cho từng khách hàng. Công ty đang áp dụng chính sách chỉ giao dịch với khách hàng đáng tin cậy về mặt tín dụng. Không có những tập trung quan trọng về rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gánh chịu được tóm tắt trong bảng dưới đây.

	VND	
	2015	2014
Tiền và tương đương tiền	44.157.649	488.315.759
Phải thu khách hàng	13.341.898.324	2.947.584.086
Phải thu về cho vay ngắn hạn	8.097.566.381	19.606.971.541
<b>Cộng</b>	<b>21.483.622.354</b>	<b>23.042.871.386</b>

Công ty không nắm giữ các thế chấp cho các khoản phải thu.

Tất cả các khoản phải thu quá hạn đều được đánh giá tổn thất một cách phù hợp. Thuyết minh 5.5 cung cấp những phân tích về phòng phải thu khó đòi.

**Rủi ro thanh khoản**

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng.

	VND			
	Vay và nợ	Nợ phải trả	Chi phí phải trả	Cộng
Dưới 01 năm	15.469.566.693	2.913.068.004	2.992.286.211	21.374.920.908
Từ 1 – 3 năm	14.931.000.000	-	-	14.931.000.000
<b>Số dư</b>				
<b>ngày 31/12/2015</b>	<b>30.400.566.693</b>	<b>2.913.068.004</b>	<b>2.992.286.211</b>	<b>36.305.920.908</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

	Vay và nợ	Nợ phải trả	Chi phí phải trả	VND Cộng
Dưới 01 năm	13.507.929.925	8.976.941.335	2.009.404.121	24.494.275.381
Từ 1 – 3 năm	16.971.000.000	-	-	16.971.000.000
<b>Số dư ngày 31/12/2014</b>	<b>30.478.929.925</b>	<b>8.976.941.335</b>	<b>2.009.404.121</b>	<b>41.465.275.381</b>

Công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Công ty đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

**Rủi ro ngoại tệ**

Công ty có các hoạt động quốc tế nên chịu rủi ro về ngoại tệ như là một phần trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tài sản tài chính được phân tích theo từng loại tiền tệ như sau:

	Tài sản tài chính khác	Phải thu về cho vay ngắn hạn	Phải thu thương mại	Tiền và tương đương tiền	Cộng
VND	31.684.322	8.097.566.381	11.841.485.063	16.499.901	19.987.235.667
Đô la Mỹ	-	-	1.500.413.261	27.657.748	1.528.071.009
<b>Số dư 31/12/2015</b>	<b>31.684.322</b>	<b>8.097.566.381</b>	<b>13.341.898.324</b>	<b>44.157.649</b>	<b>21.515.306.676</b>
VND	31.684.322	19.606.971.541	1.370.806.552	450.188.741	21.459.651.156
Đô la Mỹ	-	-	1.576.777.534	38.127.018	1.614.904.552
<b>Số dư 31/12/2014</b>	<b>31.684.322</b>	<b>19.606.971.541</b>	<b>2.947.584.086</b>	<b>488.315.759</b>	<b>23.074.555.708</b>

Nợ tài chính được phân tích theo từng loại tiền tệ như sau:

	Chi phí phải trả	Các khoản vay	Phải trả thương mại và khác	Cộng
VND	2.992.286.211	20.526.130.000	2.913.068.004	26.431.484.215
Đô la Mỹ	-	9.874.436.693	-	9.874.436.693
<b>Số dư 31/12/2015</b>	<b>2.992.286.211</b>	<b>30.400.566.693</b>	<b>2.913.068.004</b>	<b>36.305.920.908</b>
VND	2.009.404.121	21.096.130.000	8.976.941.335	32.082.475.456
Đô la Mỹ	-	9.382.799.925	-	9.382.799.925
<b>Số dư 31/12/2014</b>	<b>2.009.404.121</b>	<b>30.478.929.925</b>	<b>8.976.941.335</b>	<b>41.465.275.381</b>

Hiện tại, Công ty chưa có biện pháp nào để quản lý rủi ro về ngoại tệ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP. HCM

*Phân tích độ nhạy cảm*

Phân tích này được thực hiện đối với các khoản công nợ có gốc ngoại tệ. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng một khoản thay đổi 10% đối với tỷ giá hối đoái giữa VND và Đô la Mỹ có thể xảy ra vào cuối năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016. Ảnh hưởng về thay đổi lãi suất đối với các khoản nợ tài chính theo lãi suất thả nổi, nếu đã xảy ra vào cuối niên độ hiện hành, đã được đánh giá về mặt thay đổi dòng tiền và chi phí và đã được định lượng như sau:

Một khoản tăng 10% đối với tỷ giá hối đoái giữa VND và Đô la Mỹ sẽ giảm lợi nhuận sau thuế là 987.443.669 VND.

Các phân tích nêu trên được thực hiện trên cơ sở sau:

- Ước tính của Ban Tổng Giám đốc về thay đổi tỷ giá hối đoái (là 10%) cho năm kết thúc vào ngày 31/12/2016 là hợp lý;
- Không xem xét các giao dịch đã được phòng ngừa rủi ro. Công ty dự kiến các biến động về giá trị của các khoản mục được phòng ngừa rủi ro được bù trừ gần như hoàn toàn với các khoản mục để phòng ngừa rủi ro;

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, phân tích độ nhạy cảm như nêu trên không đại diện cho những rủi ro về tỷ giá hối đoái vốn có do những rủi ro vào cuối niên độ không phản ánh rủi ro trong suốt niên độ.

**11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

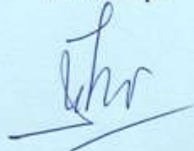
Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

**12. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính bắt đầu từ 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 21 tháng 03 năm 2016.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP



**TRẦN CÔNG THƠ**  
Kế toán trưởng

NGƯỜI DUYỆT


**TRẦN QUANG MINH**  
Tổng Giám đốc